

**TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG**

**ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KÌ II  
NĂM HỌC 2017-2018  
MÔN: TOÁN 10 - XH**  
Thời gian làm bài trắc nghiệm: 50 phút.

Họ, tên học sinh:..... Lớp:.....

**Mã đề thi  
485**

Điểm trắc nghiệm	Điểm tự luận	Tổng điểm

**PHẦN 1: Trắc nghiệm (6.0 điểm)**

**PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM**

Học sinh làm bài bằng cách đánh dấu X tại phương án được lựa chọn tương ứng với từng câu hỏi vào bảng dưới đây.

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
A																									
B																									
C																									
D																									

**Câu 1:** Đường thẳng d có phương trình  $\begin{cases} x = -2 - 5t \\ y = 3 + 4t \end{cases}$  có một véc tơ chỉ phương là:

- A. (5; -4).                      B. (4; 5).                      C. (-5; -4).                      D. (4; -5).

**Câu 2:** Cho elip (E) có phương trình chính tắc  $\frac{x^2}{4} + \frac{y^2}{1} = 1$ . Tiêu cự của elip (E) là:

- A.  $2\sqrt{3}$ .                      B. 4.                      C.  $\sqrt{3}$ .                      D.  $2\sqrt{15}$ .

**Câu 3:** Tập nghiệm của hệ bất phương trình  $\begin{cases} 2x < x + 5 \\ 2x - 4 > 0 \end{cases}$  là

- A. (-2; 5).                      B.  $(-\infty; 2) \cup (5; +\infty)$ .                      C. (2; 5).                      D. [2; 5].

**Câu 4:** Tam thức  $f(x) = x^2 + 2x - 3$  nhận giá trị âm khi và chỉ khi

- A.  $-3 \leq x \leq 1$ .                      B.  $-1 < x < 3$                       C.  $-3 < x < 1$ .                      D.  $x < -3$  hoặc  $x > 1$ .

**Câu 5:** Trong các công thức sau, công thức nào đúng?

- A.  $\sin(a + b) = \sin a \cdot \cos b - \cos a \cdot \sin b$                       B.  $\cos(a - b) = \cos a \cdot \cos b + \sin a \cdot \sin b$   
 C.  $\sin(a - b) = \sin a \cdot \cos b + \cos a \cdot \sin b$                       D.  $\cos(a + b) = \cos a \cdot \cos b + \sin a \cdot \sin b$

**Câu 6:** Điểm  $O(0;0)$  thuộc miền nghiệm của hệ bất phương trình nào sau đây?

- A.  $\begin{cases} x + 3y - 6 > 0 \\ 2x + y + 4 < 0 \end{cases}$                       B.  $\begin{cases} x + 3y - 6 < 0 \\ 2x + y + 4 < 0 \end{cases}$                       C.  $\begin{cases} x + 3y - 6 > 0 \\ 2x + y + 4 > 0 \end{cases}$                       D.  $\begin{cases} x + 3y - 6 < 0 \\ 2x + y + 4 > 0 \end{cases}$

**Câu 7:** Cặp số (1;1) là nghiệm của bất phương trình nào sau đây ?

- A.  $2x + y - 1 < 0$ .                      B.  $x + 3y - 1 > 0$ .                      C.  $x + y - 5 > 0$ .                      D.  $-x - y - 1 > 0$ .

**Câu 8:** Đường tròn (C) có tâm  $I(-2;1)$  bán kính  $R = \sqrt{3}$  có phương trình là:

- A.  $(x - 2)^2 + (y - 1)^2 = \sqrt{3}$ .                      B.  $(x - 2)^2 + (y - 1)^2 = 3$ .  
 C.  $(x + 2)^2 + (y - 1)^2 = \sqrt{3}$ .                      D.  $(x + 2)^2 + (y - 1)^2 = 3$ .

**Câu 9:** Tam thức nào sau đây nhận giá trị dương với mọi  $x > 3$ .

- A.  $f(x) = x^2 - 4x + 3$ .    B.  $f(x) = -x^2 + 4x - 3$ .    C.  $f(x) = 9 - x^2$ .    D.  $f(x) = x^2 - 7x + 6$ .

**Câu 10:** Tính giá trị của biểu thức  $P = \frac{2\sin\alpha - 3\cos\alpha}{4\sin\alpha + 5\cos\alpha}$  biết  $\cot\alpha = -3$

- A. 1.    B. -1.    C.  $\frac{7}{9}$ .    D.  $\frac{9}{7}$ .

**Câu 11:** Chọn mệnh đề đúng.

- A.  $\tan(-\alpha) = \tan\alpha$ .    B.  $\cos(-\alpha) = \cos\alpha$ .    C.  $\sin(-\alpha) = \sin\alpha$ .    D.  $\cot(-\alpha) = \cot\alpha$ .

**Câu 12:** Trong các công thức sau, công thức nào đúng?

- A.  $\sin 2a = 2\sin a \cos a$ .    B.  $\sin 2a = \sin a + \cos a$   
C.  $\sin 2a = \cos^2 a - \sin^2 a$     D.  $\sin 2a = 2\sin a$

**Câu 13:** Cho tam giác ABC có ba cạnh là 6, 8, 10. Bán kính đường tròn nội tiếp tam giác ABC là:

- A.  $\sqrt{3}$ .    B. 1.    C. 4.    D. 2.

**Câu 14:** Đường tròn (C):  $x^2 + y^2 + 2x - 3y - 2 = 0$  có tọa độ tâm I là:

- A.  $I\left(\frac{3}{2}; -1\right)$ .    B.  $I\left(-1; \frac{3}{2}\right)$ .    C.  $I\left(-1; -\frac{3}{2}\right)$ .    D.  $I\left(1; -\frac{3}{2}\right)$ .

**Câu 15:** Nhị thức nào sau đây nhận giá trị dương với mọi  $x > 3$ ?

- A.  $f(x) = -2x + 6$ .    B.  $f(x) = 4 - 2x$ .    C.  $f(x) = 6 - 3x$ .    D.  $f(x) = 2x - 6$ .

**Câu 16:** Tập nghiệm của bất phương trình  $3x + \sqrt{4-x} > 3 + \sqrt{4-x}$  là:

- A.  $[1; 4)$ .    B.  $(1; 4)$ .    C.  $(1; 4]$ .    D.  $[1; 4]$ .

**Câu 17:** Tập xác định của hàm số  $y = \frac{5}{\sqrt{3-x}}$  là

- A.  $(-\infty; 3)$ .    B.  $\mathbb{R} \setminus \{3\}$ .    C.  $(-\infty; 3]$ .    D.  $(3; +\infty)$ .

**Câu 18:** Độ dài cung tròn có số đo  $\frac{\pi}{4}$  của đường tròn có bán kính  $R = 3\text{cm}$  là:

- A.  $\frac{\pi}{2}$  cm.    B. 7,15 cm.    C. 5,14 cm.    D.  $\frac{3\pi}{4}$  cm.

**Câu 19:** Nhị thức  $f(x) = 2x - 4$  nhận giá trị âm khi và chỉ khi

- A.  $x > 2$ .    B.  $x < 2$ .    C.  $x \geq 2$ .    D.  $x \leq 2$ .

**Câu 20:** Chọn mệnh đề đúng.

- A.  $\tan\alpha = \frac{\sin\alpha}{\cos\alpha}$ .    B.  $\tan\alpha = \cos\alpha \cdot \sin\alpha$ .    C.  $\cot\alpha = \frac{\sin\alpha}{\cos\alpha}$ .    D.  $\cos\alpha = \tan\alpha \cdot \sin\alpha$ .

**Câu 21:** Số  $x=3$  là nghiệm của bất phương trình nào sau đây?

- A.  $3x+1 < 2$ .    B.  $5-x < 1$ .    C.  $2x-1 > 2$ .    D.  $4x-11 > 3$ .

**Câu 22:** Số đo radian của góc  $75^\circ$  là:

- A.  $\frac{12}{5}\pi$ .    B.  $\frac{7}{12}\pi$ .    C.  $\frac{5}{12}\pi$ .    D.  $\pi$ .

**Câu 23:** Tập xác định của hàm số  $y = \sqrt{x^2 - 6x + 5}$  là:

- A.  $(-\infty; 1) \cup (5; +\infty)$ .    B.  $[1; 5]$ .    C.  $(-\infty; 1] \cup [5; +\infty)$ .    D.  $(1; 5)$ .

**Câu 24:** Số đo radian của góc  $-350^\circ$  là:

- A.  $\frac{35\pi}{18}$ .    B.  $\frac{18\pi}{35}$ .    C.  $-\frac{18\pi}{35}$ .    D.  $-\frac{35\pi}{18}$ .

----- HẾT -----